

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2026/HS-ST**
Ngày 23-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Châu Phương

2/ Ông Nguyễn Văn Hết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoài N, tên gọi khác: không có, sinh ngày 05 tháng 3 năm 1993, tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp A, xã T1, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1960 (còn sống); Con bà Đinh Thị N, sinh năm 1960 (còn sống); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không có; Tiền sự: Có 01 (một) tiền sự về hành vi “Sử dụng tái phép chất ma túy” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Công an xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/7/2025 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hoài N, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp A, xã T1, tỉnh Vĩnh Long; Là cha ruột của bị cáo (*Có mặt*)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (*Có mặt*)

- Bị hại: Ông Đoàn Văn N1, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, tỉnh Vĩnh Long. (*Có mặt*)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Thái Văn L, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, tỉnh Vĩnh Long. *(Có mặt)*

2/ Bà Trần Thị Ngọc N2, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Ấp A, xã T1, tỉnh Vĩnh Long. *(Có mặt)*

3/ Ông Trần Văn H1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp A, xã T1, tỉnh Vĩnh Long. *(Có mặt)*

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Phạm Tấn L1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, tỉnh Vĩnh Long. *(Có mặt)*

2/ Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Ấp T2, xã T1, tỉnh Vĩnh Long. *(Vắng mặt)*

3/ Ông Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp T4, xã T1, tỉnh Vĩnh Long. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 24 tháng 5 năm 2025, Nguyễn Hoài N đem theo một cây liềm móc dừa, một cây chĩa dừa, một đèn pin, một bao nilong loại dùng đựng gạo, đi xe đạp từ nhà thuộc ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã T1, tỉnh Vĩnh Long) đến vườn dừa của ông Đoàn Văn N1, sinh năm 1983, thuộc ấp T2, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T1, tỉnh Vĩnh Long). N dùng đèn pin rọi lên các cây dừa và dùng lưỡi liềm móc trộm dừa đến khoảng 04 giờ 30 phút thì được 153 (một trăm năm mươi ba) trái dừa khô, sau đó dùng xe đạp chở trước 12 (mười hai) trái đến cất giấu trong hàng rào nhà bạn của N là Thái Văn L, sinh năm 1987, thuộc ấp T2, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã T1, tỉnh Vĩnh Long), rồi quay lại tiếp tục gom số dừa còn lại đem ra lộ bê tông gần đó. Lúc này, bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Ngọc C1, ông Phạm Tấn L1 là người quen của ông Đoàn Văn N1 phát hiện, những người này yêu cầu N để dừa lại nếu không sẽ báo Công an nhưng N không dừng lại, vẫn tiếp tục lấy dừa. Do không ngăn cản được N nên ông Phạm Tấn L1 đến Công an xã T trình báo vụ việc. N tiếp tục gom dừa đến khoảng 07 giờ thì xong, N đi xe đạp về nhà cất cây liềm rồi đến nhà bà Trần Thị Ngọc N2, sinh năm 1992, thuộc ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là ấp A, xã T1, tỉnh Vĩnh Long), làm nghề thu mua dừa, để xe đạp tại đây, mượn bà N2 một xe mô tô không rõ nhãn hiệu, không biển số, kéo theo một xe lồng kim loại đến chở số dừa khô trộm được và dự định sẽ bán cho bà N2 nhưng khi đang chất dừa lên xe thì Công an xã T đến làm việc, tiến hành thu giữ 153 (một trăm năm mươi ba) trái dừa khô và các vật chứng liên quan.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 153 (một trăm năm mươi ba) trái dừa khô, trọng lượng mỗi trái khoảng 02 ký (gồm 141 trái tại hiện trường và 12 trái tại bên trong cửa rào phía sau nhà Thái Văn L).

- 01 (một) xe lồng chất liệu bằng kim loại, tổng chiều dài là 2.2m, chiều dài lồng là 1.6m, chiều cao lồng là 70cm, phía hai tay kéo có gắn dây màu xanh (đã qua sử dụng).

- 01 (một) xe mô tô không biển số, không có số khung, số máy là 1P50FMG-320296923, trên xe máy ghi chữ LIFAN (đã qua sử dụng).

- 01 (một) đèn pin loại đội đầu, màu xanh, có dòng chữ “ML109-3624-25C1935W made in china” (đã qua sử dụng).

- 01 (một) bao nilong loại dùng đựng gạo có dòng chữ “Gạo Thom Củ MINH NHÂM” (đã qua sử dụng).

- 01 (một) xe đạp chất liệu inox, trên sườn có dán chữ “Teen asia”, không có rõ xe, không có thắng trước, không có vè chắn bùn bánh trước sau (đã qua sử dụng).

- 01 (một) thanh gỗ, chất liệu tre, chiều dài 4,55m, được gắn phía đầu cây là lưỡi liềm kim loại chiều dài 65cm, nơi rộng nhất lưỡi liềm là 03cm.

- 01 (một) cây chĩa dừa, được làm bằng cây trúc, tổng chiều dài là 3,34m, trong đó phần thân cây trúc có chiều dài là 3,2m, phần thân kim loại (02 cây kim loại) gắn trên đầu cây trúc, mỗi cây dài 14cm (đã qua sử dụng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện M kết luận: 153 trái dừa khô (mỗi trái trọng lượng 02 kg) thời điểm ngày 24 tháng 5 năm 2025 trị giá 2.422.449 đồng, giá này đã trừ tiền công hái dừa và thu gom dừa. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo và bị hại thống nhất kết quả định giá nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo yêu cầu số 411/2025/KLGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ kết luận đối với Nguyễn Hoài N: Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 24 tháng 5 năm 2025 và hiện tại (tại thời điểm giám định): Đang sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn nhân cách, hành vi do sử dụng các chất kích thích, bao gồm cafein (F15.71-ICD10); Tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 24 tháng 5 năm 2025 và hiện tại (tại thời điểm giám định): Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra, Nguyễn Hoài N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, lời khai của N phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra thu thập được.

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSKV9 ngày 15 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Hoài N về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm về vụ án cho rằng:

- Việc truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên lưu toàn bộ nội dung Cáo trạng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài N phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã thực hiện việc trao trả tài sản cho chủ sở hữu đúng quy định pháp luật theo các Quyết định xử lý vật chứng số B3961/QĐ-VPCQCSĐT ngày 21 tháng 11 năm 2025 và Quyết định xử lý vật chứng số 4225/QĐ-VPCQCSĐT ngày 27 tháng 6 năm 2025. Riêng đối với xe mô tô không biển số, không có số khung, có số máy là 1P50FMG-320296923, trên xe máy ghi chữ LIFAN, giao cho Công an xã T1, tỉnh Vĩnh Long xem xét, xử lý theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Hoài N trình bày:

Bị cáo đồng ý với nội dung Cáo trạng và thừa nhận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Bị cáo nói lời nói sau cùng cảm thấy ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được tại ngoại để làm lại cuộc đời.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày:

Khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện, ông có chứng kiến việc Cơ quan chức năng thực hiện các hoạt động tố tụng điều tra theo quy định, lời khai của bị cáo từ trước đến nay và tại phiên tòa là thống nhất, ông không có ý kiến khác. Đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu của ông, bị cáo tự ý mang đi để làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội, ông đã nhận lại rồi và không có yêu cầu bồi thường gì.

Bị hại ông Đoàn Văn N1 trình bày:

Ông đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự của bị cáo, ông thấy hoàn cảnh gia đình của bị cáo cũng khó khăn nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn L, bà Trần Thị Ngọc N2 và ông Trần Văn H1 trình bày: Các ông, bà đều xác nhận diễn biến sự việc như nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên. Ông L và ông H đã nhận lại tài sản thuộc sở hữu của mình và không có yêu cầu gì khác. Đối với chiếc xe máy không biển số, không có số khung, có số máy là 1P50FMG-320296923, trên xe máy ghi chữ LIFAN, ông H1 đồng ý giao cho Công an xã T1, tỉnh Vĩnh Long xem xét xử lý theo quy định.

Người làm chứng ông Phạm Tấn L1 trình bày: Ông xác nhận diễn biến sự việc như nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoài N là Luật sư Nguyễn Thanh H trình bày:

Thống nhất về tội danh, điều khoản áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoài N và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên, ông cũng xin Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc cho bị cáo được xử lý hình phạt cải tạo không giam giữ vì hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn, cha mẹ lớn tuổi, khả năng nhận thức của bị cáo cũng hạn chế nên mới dẫn đến sự việc như hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu T3 và ông Nguyễn Ngọc C1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong giai đoạn điều tra và việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T3 và ông C1.

[3] Về hành vi của bị cáo Nguyễn Hoài N bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long truy tố, Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo N mặc dù bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng căn cứ quy định pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, bị cáo vẫn là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi

vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích bán kiếm tiền tiêu xài cho bản thân. Cụ thể, khoảng 01 giờ 30 phút ngày 24 tháng 5 năm 2025, tại ấp T2, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, nay là ấp T2, xã T1, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Hoài N đã lén lút hái trộm 153 (một trăm năm mươi ba) trái dừa khô trị giá 2.422.449 (hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi chín) đồng của ông Đoàn Văn N1 để bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Hoài N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Hoài N, Hội đồng xét xử nhận định: Bản thân bị cáo N có đủ sức khỏe, đủ khả năng lao động nhưng không tìm công việc hợp pháp để làm nhằm tạo ra thu nhập, tài sản chính đáng cho bản thân mà lại có hành vi lén lút chiếm đoạt của người khác để phục vụ cho mình, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng, hoài nghi trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, đang có một tiền sự chưa chấp hành xong lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa tốt. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và góp phần phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ gồm “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình” theo quy định tại các điểm h, i, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là liệt sĩ, bà nội được hưởng chính sách như thương binh, tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo có cơ hội sớm trở về cuộc sống bình thường, có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Xét về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Đoàn Văn N1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không giải quyết.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Thái Văn L, ông Trần Văn H1, ông Nguyễn Văn C cũng đã nhận lại các tài sản thuộc sở hữu của mình, không ai có yêu bị cáo bồi thường gì thêm nên không giải quyết.

[9] Xét về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra có căn cứ xác định chiếc xe máy không biển số, không có số khung, có số máy là 1P50FMG-320296923, trên xe máy ghi chữ LIFAN, thuộc sở hữu của ông Trần Văn H1. Tuy nhiên, xe này thuộc trường hợp vi phạm khoản 3 Điều 14, điểm b khoản 8 Điều 32 Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ, nên giao cho Công an xã T1, tỉnh Vĩnh Long xem xét xử lý theo xử lý theo quy định là phù hợp.

- Đối với lồng xe kim loại thuộc sở hữu của ông Trần Văn H1, được gia đình ông H1 sử dụng để thu mua dừa, ông H1 không biết việc bà N2 cho N mượn xe và bà N2 cũng không biết N mượn xe để chở dừa trộm được nên trao trả cho ông H1 là phù hợp.

- Đối với một đèn pin, một bao ni long, một xe đạp thuộc sở hữu của ông Thái Văn L, L cho N mượn nhưng không biết N mượn để dùng vào việc trộm dừa nên giao trả lại cho ông L là phù hợp.

- Đối với một cây liềm, một cây chĩa dừa thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn C, ông C để các vật dụng này tại nhà, không biết N lấy đi đem dùng vào việc trộm dừa nên giao trả lại cho ông C là phù hợp.

- Đối với 153 trái dừa khô là tài sản của ông Đoàn Văn N1 bị chiếm đoạt nên giao trả lại cho ông N1 là phù hợp.

[10] Xét về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoài N có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo thuộc trường hợp khuyết tật thân kinh, tâm thần theo quy định của Luật Người khuyết tật nên được miễn nộp toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoài N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự, ghi nhận: Bị hại ông Đoàn Văn N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn L, ông Trần Văn H1, ông Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự ghi nhận:

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu gồm: Trả cho ông Đoàn Văn N1 153 (một trăm năm mươi ba) trái dừa khô theo Quyết định xử lý vật chứng số 4225/QĐ-VPCQCSĐT ngày 27 tháng 6 năm 2025; Trả cho ông Nguyễn Văn C 01 (một) cây liềm, 01 (một) cây chĩa dừa, trả cho ông Thái Văn L 01 (một) đèn pin, 01 (một) bao ni long, 01 xe đạp, trả cho ông Trần Văn H1 01 (một) lồng xe kim loại, theo Quyết định xử lý vật chứng số B3961/QĐ-VPCQCSĐT ngày 21 tháng 11 năm 2025.

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long giao 01 (một) xe mô tô không biển số, không có số khung, có số máy 1P50FMG-320296923, trên xe máy ghi chữ LIFAN, cho Công an xã T1, tỉnh Vĩnh Long xem xét xử lý theo quy định.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Người khuyết tật, bị cáo Nguyễn Hoài N có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nhưng được miễn nộp toàn bộ.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã T1 ;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án, thi hành án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân